

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1009 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại một số đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2018**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-LĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại một số đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2018.

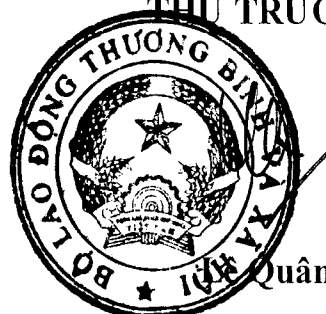
**Điều 2.** Giao Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch.

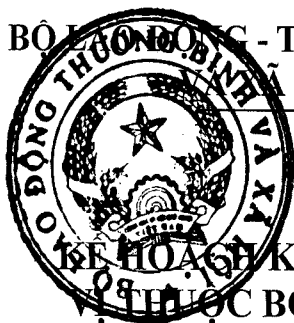
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**





**KẾ HOẠCH KIỂM TRA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-LĐTBXH ngày 02/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Triển khai Quyết định số 2023/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2017 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2018, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC) tại một số đơn vị thuộc Bộ năm 2018, như sau:

### **1. Mục đích, yêu cầu kiểm tra**

#### *1.1. Mục đích*

- Nhằm bắt, đánh giá thực trạng tình hình triển khai kế hoạch CCHC năm 2018 của đơn vị trên các lĩnh vực, nhiệm vụ CCHC, những kết quả đạt được cũng như khó khăn, vướng mắc, trên cơ sở đó báo cáo, tham mưu với Lãnh đạo Bộ để hướng dẫn hoặc tháo gỡ kịp thời, giúp các đơn vị thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC chung của Bộ;

- Phát hiện những cách làm hay, sáng tạo để triển khai nhân rộng trong toàn ngành Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện CCHC.

#### *1.2. Yêu cầu*

- Tiến hành kiểm tra bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, không gây trở ngại đến hoạt động của đơn vị được kiểm tra;

- Việc kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định; có trọng tâm, trọng điểm và đạt hiệu quả cao;

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa bên kiểm tra và bên được kiểm tra để bảo đảm việc kiểm tra đạt được mục đích, yêu cầu và nội dung đề ra.

### **2. Nội dung kiểm tra**

Tình hình triển khai, kết quả đạt được và nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (ban hành tại Quyết định số 2023/QĐ-LĐTBXH

ngày 28/12/2017) đến thời điểm kiểm tra, trong đó trọng tâm là các nội dung sau đây:

### *2.1. Về công tác chỉ đạo điều hành*

- Việc ban hành và tình hình thực hiện Kế hoạch CCHC của đơn vị;
- Việc tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn về công tác CCHC của Chính phủ và của Bộ tại đơn vị;
- Việc thực hiện công tác tự kiểm tra, công tác tuyên truyền về CCHC tại đơn vị.
- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

### *2.2. Cải cách thể chế (đối với đơn vị có thực hiện chức năng quản lý nhà nước)*

- Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và văn bản khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao;
- Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và các năm tiếp theo;
- Tình hình, kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;
- Tình hình, kết quả công tác kiểm tra và xử lý văn bản QPPL;
- Tình hình, kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật;
- Tình hình, kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.
- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

### *2.3. Cải cách thủ tục hành chính (đối với các đơn vị quản lý nhà nước có thủ tục hành chính)*

- Việc đánh giá tác động của TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL;
- Tình hình công bố, niêm yết công khai TTHC theo quy định;
- Kết quả giải quyết TTHC: số lượng hồ sơ tiếp nhận; số lượng hồ sơ đã giải quyết, trong đó số lượng giải quyết đúng hạn, số lượng giải quyết không đúng hạn và lý do; việc đăng tải kết quả giải quyết TTHC trên Cổng thông tin điện tử của Bộ;

- Tình hình, kết quả việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC của cá nhân, tổ chức;

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát quy định, TTHC ban hành tại Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 30/01/2018 (đối với đơn vị được giao nhiệm vụ);

- Tình hình, kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và bãi bỏ, đơn giản hóa TTHC;

- Tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1349/QĐ-LĐTBXH ngày 21/9/2015).

- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

#### *2.4. Cải cách tổ chức bộ máy*

- Về rà soát vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức;

- Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế nhân lực, vị trí việc làm tại đơn vị và các vấn đề liên quan;

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1749/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

#### *2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức*

- Tình hình thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức;

- Tình hình thực hiện quy chế làm việc của Bộ và của đơn vị;

- Về thực hiện kỷ luật; kỷ cương trong chỉ đạo điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức;

- Tình hình, kết quả công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức;

- Tình hình, kết quả thực hiện Đề án tinh giản biên chế;

- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

## 2.6. Cải cách tài chính công

Tình hình, kết quả thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và Bộ về:

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan khác;

- Tình hình, kết quả thực hiện việc xây dựng, ban hành công khai các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý, làm cơ sở ban hành giá các dịch vụ sự nghiệp công khi thực hiện đặt hàng, mua hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ;

- Triển khai thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Việc ứng dụng công nghệ vào quản lý tài chính, kế toán và tài sản của nhà nước;

- Đổi mới cơ chế tài chính trong quản lý tài sản công;

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

## 2.7. Hiện đại hóa hành chính

- Tình hình, kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành; xử lý giải quyết công việc;

- Tình hình, kết quả xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4;

- Tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam (Công văn số 961/LĐTBXH-PC ngày 16/3/2017);

- Tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 900:2008; kế hoạch thực hiện chuyển đổi việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 900:2008 sang tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 900:2015;

- Tình hình, kết quả thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Công văn số 2626/LĐTBXH-VP ngày 03/7/2018;

- Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

### **3. Thành phần Đoàn kiểm tra**

- Trưởng Đoàn kiểm tra: Lãnh đạo Văn phòng Bộ

- Thành viên Đoàn kiểm tra gồm đại diện các đơn vị là đầu mối công tác CCHC của Bộ: Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra Bộ, Trung tâm Thông tin.

### **4. Thành phần Đoàn làm việc của đơn vị được kiểm tra**

Đại diện Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo phụ trách và chuyên viên làm công tác CCHC, đại diện phòng chuyên môn và công chức, viên chức có liên quan.

### **5. Đối tượng, hình thức, thời gian, địa điểm kiểm tra**

#### *5.1. Đối tượng, hình thức kiểm tra*

Việc kiểm tra được thực hiện theo hình thức kiểm tra trực tiếp tại đơn vị và hình thức tự kiểm tra, đối tượng cụ thể như sau:

- Kiểm tra trực tiếp: Danh sách đơn vị được kiểm tra trực tiếp tại *Phụ lục 1* kèm theo.

- Tự kiểm tra: Danh sách đơn vị thực hiện tự kiểm tra tại *Phụ lục 2* kèm theo. Đơn vị tự tiến hành kiểm tra và gửi báo cáo kết quả thực hiện theo Mục 2 của Kế hoạch này về Bộ (qua Văn phòng Bộ để tổng hợp), thời hạn trước ngày 30/9/2018. Thông qua báo cáo của đơn vị, trường hợp thấy cần thiết phải kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra sẽ thông báo lịch kiểm tra cho đơn vị ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày kiểm tra.

#### *5.2. Thời gian, địa điểm kiểm tra*

- Thời gian: bắt đầu từ tuần thứ 3 của tháng 9/2018. Đoàn kiểm tra sẽ thông báo lịch cụ thể đối với từng đơn vị ít nhất trước 05 ngày làm việc.

- Địa điểm kiểm tra: tại Trụ sở của đơn vị được kiểm tra.

### **6. Tổ chức thực hiện**

- Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo đúng Kế hoạch này, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả kiểm tra.

- Các đơn vị đầu mối công tác CCHC của Bộ nêu tại Mục 3 có trách nhiệm phân công đại diện Lãnh đạo của đơn vị tham gia Đoàn kiểm tra theo Kế hoạch này.

- Các đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ báo cáo, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; bố trí đúng thành phần làm việc với Đoàn theo lịch và tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ. Báo cáo Bộ tình hình, kết quả khắc phục các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, thời hạn trước ngày 05/12/2018 (*lồng ghép vào Báo cáo cải cách hành chính cả năm của đơn vị*).

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ với Văn phòng Bộ (Phòng CCHC, kiểm soát TTHC, điện thoại: 0243.9378074) để cùng trao đổi, giải quyết./.



Phụ lục 1

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA TRỰC TIẾP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-LĐTBXH ngày 02/08/2018  
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Tên đơn vị	Thời gian kiểm tra (dự kiến)	Ghi chú
1	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Tuần 3 tháng 9/2018	Đoàn kiểm tra sẽ trao đổi, thống nhất với đơn vị về ngày, giờ làm việc cụ thể.
2	Vụ Bảo hiểm xã hội	Tuần 3 tháng 9/2018	
3	Cục Trẻ em	Tuần 3 tháng 9/2018	
4	Tạp chí Gia đình và Trẻ em	Tuần 3 tháng 9/2018	
5	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương	Tuần 4 tháng 9/2018	
6	Cục Bảo trợ xã hội	Tuần 4 tháng 9/2018	
7	Trung tâm Thông tin	Tuần 4 tháng 9/2018	



**DANH SÁCH ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỰ KIỂM TRA**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTĐ ngày /2018  
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

1. Cục Việc làm.
2. Cục Người có công.
3. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.
4. Cục Quản lý lao động ngoài nước.
5. Cục An toàn lao động.